TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-ST
Ngày: 16/4/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm
Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Thành Hiệp
2. Bà Hồ Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: đường D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968
Bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1977 (có mặt)
Ông T ủy quyền cho bà H theo giấy ủy quyền ngày 06/3/2018
Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:**

Ngày 11/01/2015 bà có cho ông T bà A vay số tiền là 396.000.000đ, lãi suất là 6%/tháng, hai bên có làm biên nhận viết tay, sau khi vay tiền thì gia đình bà A có trả được cho bà số tiền lãi là 3.500.000đ, đến nay thì không tiếp tục nộp lãi và chưa trả vốn. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà A phải trả cho bà một lần số

tiền vốn 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 11/01/2015 cho đến ngày xét xử.

*** Tại bản tự khai đề ngày 04/01/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị A trình bày**: Bà xác nhận trước đây vợ chồng có vay của bà H 03 lần tiền tổng cộng vốn là 185.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, bà có nộp lãi được 20.000.000đ, sau đó bà không có khả năng trả nợ nên bà H có đến gặp vợ chồng bà tính gộp vốn và lãi số tiền 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng) và hai bên có làm biên nhận ngày 11/01/2015, sau đó gia đình bà có trả cho bà H được số tiền lãi là 3.500.000đ, đến nay thì bà không tiếp tục đóng lãi và chưa trả vốn. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng) bà đồng ý, nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình bà đang gặp khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ, về phần lãi suất bà xin không trả nữa.

-Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T do bà Phạm Thị A đại diện trình bày: thống nhất lời trình bày của bà A, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa bà Trần Thị H với ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị A là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông T và bà A đều có nơi cư trú tại ấp V, xã N, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Hai bên xác lập biên nhận nợ vào ngày 11/01/2015, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở đòi lại số tiền vay, nhưng phía các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm. Bà Trần Thị H khởi kiện vào ngày 27/11/2017, vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/ Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị A trên thực tế đã có phát sinh, sự việc được chứng minh qua biên nhận nợ đề ngày 11/01/2015 và qua lời khai nhận của các bên đương sự, nhưng các bên không thống nhất với nhau về số tiền và cách trả nợ, phía nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ là 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng) và tính lãi suất từ ngày 11/01/2015 đến nay, còn các bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền trên nhưng cho rằng chỉ vay 185.000.000đ do không

khả năng đóng lãi nên nguyên đơn tính gộp vốn và lãi là 396.000.000đ, xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ và xin phần lãi suất.

Xét về mối quan hệ tranh chấp trên, hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị đơn là người có lỗi không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lãi đúng định kỳ và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải thanh toán một lần số tiền vốn và lãi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời khai nại của bị đơn xác nhận số nợ 396.000.000đ nhưng cho rằng nguyên đơn tính gộp vốn lãi là không có cơ sở. Bởi vì, tại biên nhận ngày 11/01/2015 không thể hiện gộp vốn lãi và trước phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là có gộp vốn lãi cho nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc bị đơn cho rằng hiện tại hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 396.000.000đ xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ, xin phần lãi suất là không có cơ sở nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị A phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền vốn là 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).

-Về lãi suất: được tính từ ngày 11/01/2015 đến ngày 16/4/2018 là 39 tháng 5 ngày, cụ thể: 396.000.000đ x 0.75% x 39 tháng 5 ngày = 116.325.000đ (một trăm mười sáu triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016:

- Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 471, 474, 476, 477, 478 của Bộ luật Dân sự 2005;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị A phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền vốn và lãi suất là 512.325.000đ (năm trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H được nhận lại 15.325.000đ (mười lăm triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003214 ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị A phải liên đới nộp số tiền 25.616.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2018).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án – TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cù Minh Sâm